

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN L Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 88/2021/HSST
 Ngày 23/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy - Giáo viên.

2. Bà Vũ Thị Mai - Cán bộ phụ nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thành Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2021/HSST ngày 20/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST - HS ngày 09/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Tô Hải Đ, sinh năm 2000; Tên gọi khác: không; Nơi đ ký hộ khẩu, nơi ở: thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tô Văn Th và bà Diệp Thị K; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện tại ngoại “có mặt”.

2. Trần Chí C, sinh ngày 18/01/2005; Tên gọi khác: không; Nơi đ ký hộ khẩu, nơi ở: thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Tr và bà Lâm Thị S; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện tại ngoại “có mặt”.

Đại diện hợp pháp bị cáo Trần Chí C:

Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1983 “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bào chữa cho bị cáo C: Ông Thân Văn Lợi; Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang “có mặt”.

Đại diện Nhà tr nơi bị cáo C đang theo học:

Bà Lương Thị L – Giáo viên tr THPT L số 5 “có mặt”.

Bị hại:

Anh Diệp Văn B, sinh năm 1982 “vắng mặt”.

Anh Bùi C C, sinh năm 1995 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Diệp Văn D, sinh ngày 02/4/2003 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Anh Trương Quang T, sinh năm 2001 “vắng mặt”.

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1977 “vắng mặt”.

Anh Tô Văn Th, sinh năm 1973 “có mặt”.

Anh Leo Văn H, sinh năm 1999 “có mặt”.

Anh Trình Minh H, sinh ngày 16/12/2003 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện hợp pháp của Trình Minh H:

Chị Lê Thị L, sinh năm 1977 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 13/7/2021 Tô Hải Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH biển kiểm soát 98B2-792.25 đến nhà ông Nguyễn Văn B trú tại thôn C, xã N, huyện L để ăn cơm với nhóm tổ cộng đồng Covid 19 của thôn C. Tại đây Đ ngồi ăn cơm cùng với Trần Chí C và Leo Văn H và cùng với một số người khác; Khi ăn được khoảng được 30 phút thì một số người ăn xong đứng dậy trước và đi ra về. Khi đó Đ cùng C và H có ngồi sang mâm bên cạnh của Diệp Văn B và Bùi Trung C để ngồi cùng ăn cơm. Lúc này Đ phát hiện tại rìa ch ngồi của mâm anh B và anh C có 02 chiếc điện thoại di động, trong đó 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A30 của anh Diệp Văn B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y51 của anh Bùi Trung C đều cùng trú tại thôn C, xã N được để sát cạnh nhau không có người trông giữ. Thấy vậy Đ đã nảy sinh ý định lấy trộm 02 chiếc điện thoại đó, rồi dùng tay phải với lấy trộm 02 điện thoại cho vào trong túi quần bên trái đang mặc của mình. Sau khi ăn cơm xong thì H và C đi ra ngoài cổng và Đ cũng đi ra ngoài cổng, rồi lấy 02 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đưa cho C xem tại cổng nhà ông B, nói rõ cho C biết là 02 chiếc điện thoại đó là vừa trộm cắp được. Tại đây Đ rủ C “*Mày có biết chỗ nào cắm điện thoại không*” thì C nói “*không biết, nếu bán được tài sản chia em một ít nhé*” Đ đồng ý. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 98B2-792.25 chở Đ, H ra ngã 3 thôn C, xã N, huyện L mục đích để tìm chỗ cắm cố điện thoại. Khi đi đến ngã b thôn C, do có công việc cá nhân nên Leo Văn H đã đi về trước, còn Đ và C đi đến gặp Trương Quang T và Trình Minh H đều trú tại cùng thôn C, xã N, huyện L, Đ và C cùng hỏi về việc “*Biết chỗ nào cắm điện thoại không*” nhưng cũng không nói cho H và T biết là điện thoại Đ vừa trộm cắp mà có, thì H b để tao hỏi chỗ này xem. Một lúc sau H trả lời, nói là đến nhà Diệp Văn D trú tại thôn H, xã N, huyện L đang có nhu cầu mua điện thoại để sử dụng. Do H không biết đường khi đó Trần Quang T biết nhà nên đã chỉ dẫn đường đến nhà D. C điều khiển xe mô tô chở Đ và T đến nhà D. Tại nhà D, Đ lấy 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung A30 cho D xem, do chiếc máy điện thoại được cài đặt mật khẩu, không mở được. D yêu cầu Đ mở mật khẩu, Đ thử nhiều lần mật khẩu và mở được máy, D đồng ý mua và trả giá 1.200.000đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng), tiếp đó Đ lấy thêm chiếc điện

thoại di động Vivo Y51 cho D xem, D cũng có yêu cầu Đ mở mật khẩu b vệ, tuy nhiên Đ đã thử nhiều lần nhưng không mở được mật khẩu nên D đồng ý mua chiếc điện thoại di động với giá 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng). Tổng số tiền mà Đ bán được 02 chiếc điện thoại với giá là 1.900.000đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) Đ đã nhận đủ số tiền trên. Sau đó C điều khiển xe mô tô chở Đ và T đi về ngã b thôn C xã N. Trên đường đi Đ đã cho T số tiền 100.000đồng (một trăm nghìn đồng) là tiền công T dẫn đường đến nhà D để cầm điện thoại. Khi đó C đã b với Đ *“Chia cho em số tiền 700.000đồng”* Đ đồng ý và b về ngã b thôn C, tuy nhiên Đ chưa đưa số tiền cho C. Đồng thời khi đó tại nhà ông Nguyễn Văn B, anh B và C phát hiện bị mất điện thoại nên có sử dụng mạng xã hội zalo của tổ covid cộng đồng thôn thông báo cho các thành viên tổ yêu cầu tất cả quay lại nhà ông B để kiểm tra về việc anh B và C bị mất 02 chiếc điện thoại di động.

Anh Diệp Văn B và Bùi Trung C đã có đơn đề nghị Công an xử lý hành vi trộm cắp tài sản. Công an xã N tiếp nhận tin báo.

Đến hồi 00 giờ 10 phút ngày 14/7/2021 Tô Hải Đ đã ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình tại Thôn C, xã N, huyện L và nộp lại số tiền bán điện thoại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 106/KL-HĐĐGTS ngày 16/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện L kết luận : *“ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A30 dung lượng 32GB có ốp lưng màu xanh đen; 01điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y51 màu tím than có ốp lưng silicon. Tổng cộng giá trị tài sản là 8.200.000đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng).*

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi hqlquan đã nhận được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm dân sự gì.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo Đ, C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, các bị cáo không có ý kiến gì đối với nội dung bản cáo trạng cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 19/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Tô Hải Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Trần Chí C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tô Hải Đ từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Chí C từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí và quyền kháng cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Trần Chí C thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn về tội danh truy tố bị cáo, hình

phạt, điều luật áp dụng, trách nhiệm dân sự. Để đảm bảo nguyên tắc xử lý bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 36; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo C

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Đ, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 13/7/2021 tại thôn C, xã N, huyện L, Tô Hải Đ đã lén lút trộm cắp 02 điện thoại di động của anh Diệp Văn B và của anh Bùi Trung C có tổng giá trị tài sản là 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Trần Chí C biết rõ tài sản trộm cắp nhưng vẫn giúp bị cáo Đ đi tiêu thụ 02 điện thoại được với giá 1.900.000 đồng. Bị cáo Đ và C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo Đ đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản; hành vi của bị cáo C đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Vì vậy hành vi bị cáo Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo C đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ do rủ bị cáo C đi tiêu thụ tài sản giúp mình trong khi bị cáo C dưới 18 tuổi nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo Tô Hải Đ, Trần Chí C đều phạm tội lần đầu thuộc trộm cắp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với bị cáo Đ, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy bị cáo Đ được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được

quy định tại Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Tô Hải Đ phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội nên không cần phải bắt bị cáo Đ chấp hành hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa c; đảm b theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo cũng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Đối với bị cáo Trần Chí C là người dưới 18 tuổi phạm tội, phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xét thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo C tại phiên toà cũng đủ để răn đe và giáo dục đối với bị cáo đảm b nguyên tắc xử lý đối người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 91 Bộ luật hình sự, xét mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo C phù hợp hơn với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Do bị cáo dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo theo Điều 100 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại điện thoại và số tiền bán điện thoại; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ hqlquan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường hay trách nhiệm dân sự gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại Redmi Note 7 màu xanh do không hqlquan đến hành vi phạm tội nên theo Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo C nhưng giữ lại để đảm b thi hành án.

[6] Về những vấn đề khác:

Đối với Diệp Văn D, quá trình điều tra xác định khi Tô Hải Đ đến bán 02 chiếc điện thoại đi động Đ không nói đó là tài sản do phạm tội mà có, D không biết tài sản đó do Đ phạm tội mà có, việc mua bán giao dịch đó hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý về tội “ *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có* ” quy định tại điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Đối với Trương Quang T là người dẫn đường để Trần Chí C và Tô Hải Đ đến nhà Diệp Văn D bán 02 chiếc điện thoại, sau khi bán điện thoại xong thì Đ có cho T số tiền 100.000đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định T không biết việc Đ và C đi bán tài sản do trộm cắp mà có. Đối với số tiền 100.000 đồng là Đ cho T là hoàn toàn tự nguyện không có ép buộc gì, sau khi biết nội dung sự việc T đã giao nộp số tiền trên cho cơ quan Csát điều tra. Cơ quan điều tra không xử lý đối với Trần Quang T về hành vi “ *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có* ” quy định tại điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Quá trình điều tra Trương Quang T đã nộp lại số tiền 100.000đồng cho Cơ quan Csát điều tra để phục vụ công tác điều tra.

Đối với Leo Văn H không biết 02 chiếc điện thoại đó là tài sản của ai và không tham gia, giúp gì trong việc trộm cắp và tiêu thụ tài sản, nên không xử lý đối với H là có căn cứ pháp luật.

Đối với Trình Minh H biết Diệp Văn D có nhu cầu mua điện thoại nên đã giới thiệu Đ và C mang điện thoại đến nhà D để bán. Tuy nhiên khi Đ và C hỏi bán điện thoại không nói đó là tài sản trộm cắp nên H cũng không biết đó tài sản trộm cắp mà có do đó không xử lý đối với H là có căn cứ.

Đối với hành vi tụ tập đông người ngoài phạm vi công sở, tr học và công tác phòng chống dịch Covid 19 của Thủ tướng C phủ. Ngày 13/7/2021 tại nhà ông Nguyễn Văn B trú tại thôn C, xã N. Quá trình điều tra không có căn cứ xác định được số lượng người tụ tập ăn cơm tại nhà ông B và khi xảy ra sự việc không có lập biên bản quả tang về hành vi tụ tập đông người do đó không có căn cứ để xử lý hành vi đối với những người trên trong công tác phòng chống dịch Covid 19 tụ tập đông người.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Tô Hải Đ 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Tô Hải Đ cho UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Tr hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Chí C 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Trần Chí C.

Giao bị cáo Trần Chí C cho UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Chí C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 màu xanh nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Tô Hải Đ, Trần Chí C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã N;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoan Đỗ Thị Hoài Mơ

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Vân Sơn; xã Lại Xuân;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa****Nguyễn Thị Linh**